

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03-5-2024

V/v tranh chấp ly hôn nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Sơn

2. Bà Phạm Thị Lan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:** Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thị H, sinh năm 1973 (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Thạch L, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Chông M, xã Hòa C, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thị H trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà Thị H và ông Thạch L (Sau đây gọi tắt là bà H, ông L) có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H, huyện Vĩnh Th (nay thuộc huyện U Minh T), tỉnh Kiên G ngày 05/11/2002. Vợ chồng bà H, ông L sống hạnh phúc được hơn 25 năm thì phát sinh mâu thuẫn, trầm trọng nhất là khoảng 06 năm trở lại đây, do bất đồng quan điểm sống, ông L thường uống rượu, mỗi lần say rượu về nhà là vô cớ chửi mắng, bạo lực bà H. Năm 2018 bà H nộp đơn ly hôn tại Tòa án, ông L cam kết sửa đổi nên bà H rút đơn và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân

dân huyện U Minh T, tỉnh Kiên G nhưng sau khi về chung sống ông L không thay đổi mà ngày càng uống rượu, bạo lực nhiều hơn đối với bà H. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà H không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu được ly hôn sớm với ông L.

Về con chung: Bà H, ông L có 03 người con chung Thị Trành Thi, sinh năm 1999, Thị Trành Đa, sinh năm 2001 (Trưởng thành), Thị Trành Y Y, sinh ngày 26/02/2012 đang sống với bà H. Vợ chồng ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Y Y, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung Trành Thi và Trành Đa đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H, ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H, ông L không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Thạch L trình bày:

Về hôn nhân: Ông L thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống ông L và bà H thường phát sinh mâu thuẫn, cự cãi trong gia đình, ông L thừa nhận thường uống rượu và chửi bà H trong vấn đề kinh tế gia đình. Năm 2022 có lần ông L dùng cây búa (Cây búa dùng để đóng đinh) hăm dọa, nhưng không may ông đã làm trúng vào đầu bà H, gây thương tích. Ông L không đồng ý ly hôn vì còn thương bà H, muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho các con.

Về con chung: Ông L và bà H có 03 người con chung Thị Trành Thi, sinh năm 1999, Thị Trành Đa, sinh năm 2001, Thị Trành Y Y, sinh ngày 26/02/2012, con chung Thị Trành Y Y đang sống với bà H. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông L đồng ý giao con chung Y Y cho bà H nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con. Còn Trành Thi và Trành Đa đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông L, bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng ông L, bà H không có nợ chung.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông L, nhận thấy ông L không sửa đổi tính tình. Ngay sau khi hòa giải tại Tòa án ngày 29/3/2024 cả hai về nhà thì ông L tiếp tục hăm dọa bà H và có rượt đánh bà H, làm cho Hà luôn sống trong tình trạng lo sợ, không yên tâm làm ăn để nuôi dưỡng các con; bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Thị Trành Y Y, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con; chia tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX), nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Thạch L được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông L.

[2]. *Về thẩm quyền xét xử*: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh T, tỉnh Kiên G. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh T, tỉnh Kiên G xét xử là đúng thẩm quyền.

[3]. *Về nội dung vụ án*:

Về hôn nhân: Bà H và ông L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H, huyện Vĩnh Th, tỉnh Kiên G ngày 05/11/2002, nên quan hệ hôn nhân của bà H, ông L là hợp pháp. Lý do, bà H yêu cầu ly hôn với ông L là do bất đồng quan điểm sống, ông L thường xuyên uống rượu, mỗi lần say rượu về nhà là vô cớ chửi mắng, bạo lực đối với bà H. Tại phiên hòa giải ngày 29/3/2024 ông L cũng thừa nhận thường xuyên uống rượu và chửi mắng bà H trong vấn đề kinh tế gia đình. Năm 2022 có lần ông L dùng cây búa hăm dọa bà H nhưng không may lại làm trúng vào đầu bà H, gây thương tích, bà H yêu cầu ly hôn ông không đồng ý, vì con thương bà H.

HĐXX thấy rằng, tình trạng mâu thuẫn của bà H, ông L vào năm 2018 bà H đã khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 30/11/2018 ông L cam kết sẽ sửa đổi, để cùng bà H chăm sóc cho các con và xây dựng hạnh phúc gia đình, nên bà H tự nguyện rút đơn khởi kiện tại phiên tòa, vợ chồng tiếp tục chung sống. Do đó, Tòa án nhân dân huyện U Minh T đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2018, nhưng sau đó vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, ông L không sửa đổi mà còn uống rượu nhiều hơn, dùng bạo lực đối với bà H. Vợ chồng chung sống phải yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nếu có mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nên tìm phương án giải quyết hài hòa giữa hai bên, nhưng ông L lại dùng bạo lực với bà H, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông L cho rằng còn thương bà H nên không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông L. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông L là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân thì cũng không hạnh phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX thống nhất chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Thị Trảnh Y Y. Tại bản tự khai ngày 29/3/2024 cháu Thị Trảnh Y Y có nguyện vọng được sống với bà H khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy bà H đang nuôi dưỡng cháu Y Y, ông L có ý kiến nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông L đồng ý giao Y Y cho bà H nuôi dưỡng. HĐXX căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung Thị Trảnh Y Y cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Y Y. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà H không yêu cầu.

Đối với Thị Trảnh Thi và Thị Trảnh Đa đã trưởng thành nên HĐXX miễn xét.

Về tài sản chung: Bà H, ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Về nợ chung: Bà H, ông L không có nợ chung và cũng không ai nợ ông, bà nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Thị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Thị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0003072 ngày 15/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh T, tỉnh Kiên G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Thị H được ly hôn với ông Thạch L.
2. Về con chung: Giao con chung Thị Trảnh Y Y, sinh ngày 26/02/2012, giới tính nữ (Hiện con đang sống với bà H) cho bà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Thạch L không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà H không yêu cầu.

Ông Thạch L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Bà H, ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

4. *Về nợ chung*: Bà H, ông L không có nợ chung và cũng không có ai nợ ông, bà nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

5. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Bà Thị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Thị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0003072 ngày 15/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

6. *Báo quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- CCTHADS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng